

Bản án số: 72A/2017/HNGĐ-ST

Ngày 21/08/2017

V/v: Ly hôn giữa chị H1
và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Toan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Giới
2. Ông Nguyễn Xuân Chung

Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Hương Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND huyện L, tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên toà.

Ngày 21/08/2017 tại trụ sở toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2017/TLST- HNGĐ ngày 22/02/2017 về “Ly hôn, con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/QĐXX - ST ngày 21/06/2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị H1 sinh năm 1991 (vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** Anh Lưu Văn T sinh năm 1986 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn V, xã H2, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Chị H1, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 15/01/2017, các bản tự khai chị Trần Thị H1 là nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh T từ tháng 10/2012. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã H2, huyện L. Cưới xong vợ chồng chị có về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian đến tháng 10/2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia

đình dẫn đến nhiều lúc vợ chồng xảy ra xô xát, không bảo được nhau, việc của ai người đó làm. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 10/2016 và cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung Lưu Thị Trà G sinh ngày 10/08/2013, hiện ở với anh T. Nay ly hôn chị nhất trí để anh T tiếp nuôi. Nếu anh T yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị xin được tạm hoãn vì điều kiện kinh tế của chị hiện tại rất khó khăn.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do công việc bận chị xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn là anh Lưu Văn T trình bày trong bản tự khai: Anh và chị H1 kết hôn với nhau từ tháng 10/2012 trên cơ sở tự nguyện hợp pháp. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay, sống hòa thuận đến tháng 10/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng cũng chấm dứt mọi quan hệ và sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H1 xin ly hôn, anh không nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung Lưu Thị Trà G sinh ngày 10/08/2013, hiện ở với anh T. Nay ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do công việc bận anh xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[2] *Về tố tụng:* Ngày 21/06/2017 Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa cho các đương sự để mở phiên tòa xét xử vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 21/07/2017. Nhưng chị Trần Thị H1 và anh Lưu Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H1 và anh T theo quy định của pháp luật.

[3] *Về nội dung vụ án:* Chị Trần Thị H1 và anh Lưu Văn T kết hôn với nhau từ ngày 18/10/2012. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H2. Mặc dù có 1 con chung nhưng tình cảm giữa chị H1 và anh T vẫn không xây dựng H1 phúc được với nhau. Từ tháng 10/2016 giữa chị H1 và anh T luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình, hơn nữa anh T không chịu làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra xô xát, từ đó việc của ai người đó làm, sống lạnh nhạt không có hạnh phúc, chị H1 và anh T chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ khi xảy ra mâu thuẫn. Chị H1 xin

được ly hôn anh T, anh T không nhất trí. Nhưng xét thấy tình cảm giữa chị H1 và anh T không còn nên cần giải quyết cho chị H1 được ly hôn anh T. Xét như vậy là phù hợp với Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về quan hệ nuôi con chung*: Vợ chồng có 1 con chung Lưu Thị Trà G sinh ngày 10/08/2013, hiện ở với anh T. Nay ly hôn, anh T yêu cầu trực tiếp nuôi Lưu Thị Trà G, chị H1 cũng nhất trí. Xét thấy yêu cầu của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, nay cần giao cho anh T trực tiếp nuôi Lưu Thị Trà G, anh T không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị H1 được quyền thăm nom con, anh T không được cản trở chị H1 thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác*: Chị H1 và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết

[6] *Về án phí*: Chị H1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 21; Điều 28, Điều 147, Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H1 và anh Lưu Văn T.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Lưu Thị Trà G sinh ngày 10/08/2013 cho anh Lưu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị H1 được quyền thăm nom con, anh T không được cản trở chị H1 thực hiện quyền này

3. Án phí: Chị Trần Thị H1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu số AA/2010/001131 ngày 22/02/2017 tại chi cục thi hành án huyện L. Chị H1 đã nộp đủ tiền án phí.

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh ;
- VKSND huyện L ;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện;
- UBND xã H2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ . VP./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toàn